TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc.

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28/04/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THIỆU HOÁ, THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Hà
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Nhân và ông Lê Dũng Tấn
Ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Quy, Thư ký tòa án nhân dân Thiệu Hoá

Mở phiên toà tại trụ sở Tòa án vào ngày 26 tháng 05 năm 2017 để xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số 151/2016/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2016, Về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử Số 06/2017/QĐST/DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 05 /2017/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, Sinh năm 1994.
Trú tại: Thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, Sinh năm 1986.
Trú tại: Thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,Thanh Hóa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 26 tháng 6 năm 2016, bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2016 nguyên đơn là chị Phạm Thị Y trình bày:

Chị và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi cưới chị tiếp tục theo học tại trường Đại học Hồng Đức vợ chồng hòa thuận được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau, anh T cho rằng chị không chung thủy ghen vô cớ, hắt hủ, xúc phạm, đánh đập chị, tình cảm vợ chồng ngày một xâu đi, mâu thuẫn trầm trong, nên anh chị phải ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 hiện nay cháu đang ở cùng chị. Ly hôn nguyện vọng của chị Y xin trực tiếp nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành, yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi cháu 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2016, anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Y xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là va chạm nhỏ nhặt trong cuộc sống thường ngày vợ chồng vẫn có thể cải thiện được chưa đến mức phải ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 hiện nay cháu đang ở cùng chị. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được trực tiếp nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra công khai tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thiệu Hoá trình bầy quan điểm, nghe các đương sự trình bầy nguyện vọng sau cùng, Hội đồng xét xử:

XÉT THẤY

Về tố tụng: anh anh Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo yêu cầu Anh có mặt tại Tòa án để thực hiện các bước tố tụng theo quy đinh của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt, đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu lòng tin về nhau anh cho rằng chị không chung thủy, quan hệ không lành mạnh dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, từ đó thường xuyên xô sát, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên Anh, Chị đã sống ly thân mỗi người sống một nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo không ai quan tâm đến ai.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa, Chị Y làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Anh anh Trần Văn T đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo yêu cầu Anh có mặt tại Tòa án để thực hiện các bước tố tụng theo quy đinh của pháp luật và để Tòa án hoà giải khuyên nhũ vợ chồng đoàn tụ, tạo điều kiện cho anh chị cải thiên quan hệ vợ chồng lâu nay đang bị rạn nứt, tìm hướng khắc phục để giữ hạnh phúc gia đình. Mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không thể hiện thiện chí lo toan đến hạnh phúc, không tìm hướng khắc phục để giữ gìn hạnh phúc gia đình, lại bỏ mặc để chị Y muốn làm gì thì làm, nhiều lần Tòa án triệu tập anh đến để giải quyết nhưng anh T đều không có mặt điều đó chứng tỏ tình thương yêu giữa hai anh chị đã hết,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như chị Y trình bầy là có căn cứ.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cuộc hôn nhân giữa Anh và Chị cũng chỉ trên danh nghĩa mà thôi. Do vậy áp dụng điều 51,56 luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y xử cho Chị đươc ly hôn anh T là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 hiện nay cháu đang ở cùng chị. Ly hôn cả anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành, nguyện vọng của hai anh chị là hoàn toàn chính đáng song hiện tại cháu Khánh N lâu nay cháu đang sống cùng chị Y thể chất tinh thần phát triển bình thường, để ổn định hoàn cảnh thiết nghĩ không cần sáo trộn cuộc sống của cháu, giao cháu cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi cho đến khi cháu trưởng thành phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ là cao so với bình quân thu nhập của anh T nên chỉ có thể giao trách nhiêm cho anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ là phù hợp

Về tài sản: Chị Y, anh T không đề nghị toà án giải quyết miễn xét.

Về án phí: Chị Y phải nộp án phí ly hôn, anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147, điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí: Khoản 1 điều 48 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án; Khoản 8 và10 điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về án phí, lệ phí Toà án của UBTVQH khoá 12; tiểu mục 1, mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án**,** ban hành kèm theo pháp lệnh.

Tuyên xử :

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Y; Xử cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 cho chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y mỗi tháng là 1.000.000đ.(Một triệu đồng) Cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 05/2017 cho đến khi cháu 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, chị Y không được cản trở, ngăn cấm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,

7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai số: AA/2014/0001067 ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá số tiền là 200.000đ được trừ vào án phí

Anh Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt có nguyên đơn, vắng bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKS Thiệu Hoá*
- *Các đương sự*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán

Lê văn Hà

TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc.

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28/04/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THIỆU HOÁ, THANH HOÁ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Hà
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Nhân và ông Lê Dũng Tấn
Ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Quy, Thư ký tòa án nhân dân Thiệu Hoá

Mở phiên toà tại trụ sở Tòa án vào ngày 26 tháng 05 năm 2017 để xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số 151/2016/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2016, Về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử Số 06/2017/QĐST/DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 05 /2017/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, Sinh năm 1994.
Trú tại: Thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, Sinh năm 1986.
Trú tại: Thôn Toán Thọ, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,Thanh Hóa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 26 tháng 6 năm 2016, bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2016 nguyên đơn là chị Phạm Thị Y trình bày:

Chị và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi cưới chị tiếp tục theo học tại trường Đại học Hồng Đức vợ chồng hòa thuận được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau, anh T cho rằng chị không chung thủy ghen vô cớ, hắt hủ, xúc phạm, đánh đập chị, tình cảm vợ chồng ngày một xâu đi, mâu thuẫn trầm trong, nên anh chị phải ly thân nhau, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 hiện nay cháu đang ở cùng chị. Ly hôn nguyện vọng của chị Y xin trực tiếp nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành, yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi cháu 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2016, anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Y xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2012 tại UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa,tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là va chạm nhỏ nhặt trong cuộc sống thường ngày vợ chồng vẫn có thể cải thiện được chưa đến mức phải ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 hiện nay cháu đang ở cùng chị. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được trực tiếp nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra công khai tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thiệu Hoá trình bầy quan điểm, nghe các đương sự trình bầy nguyện vọng sau cùng, Hội đồng xét xử:

XÉT THẤY

Về tố tụng: anh anh Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo yêu cầu Anh có mặt tại Tòa án để thực hiện các bước tố tụng theo quy đinh của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt, đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu lòng tin về nhau anh cho rằng chị không chung thủy, quan hệ không lành mạnh dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, từ đó thường xuyên xô sát, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên Anh, Chị đã sống ly thân mỗi người sống một nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo không ai quan tâm đến ai.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa, Chị Y làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Anh anh Trần Văn T đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo yêu cầu Anh có mặt tại Tòa án để thực hiện các bước tố tụng theo quy đinh của pháp luật và để Tòa án hoà giải khuyên nhũ vợ chồng đoàn tụ, tạo điều kiện cho anh chị cải thiên quan hệ vợ chồng lâu nay đang bị rạn nứt, tìm hướng khắc phục để giữ hạnh phúc gia đình. Mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không thể hiện thiện chí lo toan đến hạnh phúc, không tìm hướng khắc phục để giữ gìn hạnh phúc gia đình, lại bỏ mặc để chị Y muốn làm gì thì làm, nhiều lần Tòa án triệu tập anh đến để giải quyết nhưng anh T đều không có mặt điều đó chứng tỏ tình thương yêu giữa hai anh chị đã hết,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như chị Y trình bầy là có căn cứ.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cuộc hôn nhân giữa Anh và Chị cũng chỉ trên danh nghĩa mà thôi. Do vậy áp dụng điều 51,56 luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y xử cho Chị đươc ly hôn anh T là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung với nhau là Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 hiện nay cháu đang ở cùng chị. Ly hôn cả anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành, nguyện vọng của hai anh chị là hoàn toàn chính đáng song hiện tại cháu Khánh N lâu nay cháu đang sống cùng chị Y thể chất tinh thần phát triển bình thường, để ổn định hoàn cảnh thiết nghĩ không cần sáo trộn cuộc sống của cháu, giao cháu cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi cho đến khi cháu trưởng thành phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ là cao so với bình quân thu nhập của anh T nên chỉ có thể giao trách nhiêm cho anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ là phù hợp

Về tài sản: Chị Y, anh T không đề nghị toà án giải quyết miễn xét.

Về án phí: Chị Y phải nộp án phí ly hôn, anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147, điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí: Khoản 1 điều 48 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án; Khoản 8 và10 điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về án phí, lệ phí Toà án của UBTVQH khoá 12; tiểu mục 1, mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án**,** ban hành kèm theo pháp lệnh.

Tuyên xử :

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Y; Xử cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Khánh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013 cho chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y mỗi tháng là 1.000.000đ.(Một triệu đồng) Cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 05/2017 cho đến khi cháu 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, chị Y không được cản trở, ngăn cấm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,

7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải nộp 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai số: AA/2014/0001067 ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá số tiền là 200.000đ được trừ vào án phí

Anh Trần Văn T phải nộp 200.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt có nguyên đơn, vắng bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKS Thiệu Hoá*
- *Các đương sự*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán

Lê văn Hà